

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **468** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **16** tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm thuốc thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp địa phương không có kết quả lựa chọn nhà thầu và thiếu số lượng, không điều chuyển được từ các đơn vị khác trong tỉnh của Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn năm 2024

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/06/2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BKHĐT ngày 15/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập; Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 12/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch tổ chức đấu thầu thuốc cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 10/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp địa phương năm 2023 phục vụ khám chữa bệnh năm 2024 – 2025 cho các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Báo cáo thẩm định số 500/BC-SYT ngày 08/4/2024 và Tờ trình số 506/TTr-SYT ngày 08/4/2024 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm thuốc thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp địa phương không có kết quả lựa chọn nhà thầu và thiếu

số lượng, không điều chuyển được từ các đơn vị khác trong tỉnh của Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm thuốc thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp địa phương không có kết quả lựa chọn nhà thầu và thiếu số lượng, không điều chuyển được từ các đơn vị khác trong tỉnh của Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn năm 2024, với những nội dung chính sau:

1. Chủ đầu tư (Bên mời thầu): Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn.

2. Chi tiết các gói thầu:

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (VNĐ)	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu
1	Gói thầu số 01: Gói thầu thuốc Generic trong đó	2.874.320.000	Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng	01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ, xét thầu theo từng mặt hàng
1.1	Nhóm 2: 02 mặt hàng	227.048.000		
1.2	Nhóm 3:02 mặt hàng	1.154.320.000		
1.3	Nhóm 4: 15 mặt hàng	1.140.952.000		
1.4	Nhóm 5: 01 mặt hàng	352.000.000		
	Tóm tắt công việc chính của gói thầu: Đấu thầu mua thuốc generic thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp địa phương không có kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc thiếu số lượng, không điều chuyển được từ các đơn vị khác trong tỉnh của Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn năm 2024.			
2	Gói thầu số 02: Gói thầu thuốc dược liệu, thuốc có thành phần dược liệu phối hợp với dược chất hóa dược, thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền)	1.574.900.000	Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng	01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ, xét thầu theo từng mặt hàng
2.1	Nhóm 2: 03 mặt hàng	1.246.800.000		
2.2	Nhóm 3: 01 mặt hàng	112.100.000		
2.3	Nhóm 4: 01 mặt hàng	216.000.000		
	Tóm tắt công việc chính của gói thầu: Đấu thầu mua thuốc dược liệu, thuốc có thành phần dược liệu phối hợp với dược chất hóa dược, thuốc cổ truyền thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp địa phương không có kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc thiếu số lượng, không điều chuyển được từ các đơn vị khác trong tỉnh của Trung tâm Y tế huyện Bình			

STT	Tên gói thầu	Giá gói thầu (VNĐ)	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu
	Sơn năm 2024			
3	Gói thầu số 03: Gói thầu vị thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa)	1.049.588.250	Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng	01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ, xét thầu theo từng mặt hàng
3.1	Nhóm 2: 52 mặt hàng	1.044.422.250		
3.2	Nhóm 3: 01 mặt hàng	5.166.000		
	Tóm tắt công việc chính của gói thầu: Đấu thầu mua vị thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền có dạng bào chế cao, cốm, bột, dịch chiết, tinh dầu, nhựa, gôm, thạch đã được tiêu chuẩn hóa) thuộc Danh mục đấu thầu tập trung cấp địa phương không có kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc thiếu số lượng, không điều chuyển được từ các đơn vị khác trong tỉnh của Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn năm 2024			
	Tổng cộng: 03 gói thầu, 78 mặt hàng	5.498.808.250 (Năm tỷ, bốn trăm chín mươi tám triệu, tám trăm lẻ tám nghìn, hai trăm năm mươi đồng).		

Chi tiết Danh mục từng gói thầu tại Phụ lục I, II, III kèm theo. Giá trên đã bao gồm thuế VAT, chi phí bốc xếp, vận chuyển và các chi phí khác có liên quan. Giám đốc Sở Y tế chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với nội dung phụ lục.

Quy định về phân nhóm thuốc tại khoản 4, khoản 6, khoản 7 Điều 1 Thông tư số 06/2023/TT-BYT ngày 12/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập. Mỗi mặt hàng trong gói thầu là một phần của gói thầu.

4. Nguồn vốn: Sử dụng nguồn thu sự nghiệp 2024 của Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn.

5. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý II/2024

6. Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 60 ngày

7. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

8. Thời gian thực hiện hợp đồng: 08 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

9. Tùy chọn mua thêm: Không

10. Giám sát hoạt động đấu thầu: Sở Y tế.

Điều 2. Sở Y tế chịu trách nhiệm chỉ đạo Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, phục vụ kịp thời công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân và chịu hoàn toàn trách nhiệm tính chính xác về cơ sở pháp lý, về đơn giá gói thầu, hình thức lựa chọn nhà thầu, nội dung thẩm định, trình phê duyệt và các nội dung tham mưu cho UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh, Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn và Thủ trưởng các sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KTTH;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX_{cường135}.



Trần Hoàng Tuấn

PHỤ LỤC I: DANH MỤC CHI TIẾT DỰ TOÁN MUA SÀM THUỐC GENERIC CỦA TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN BÌNH SƠN NĂM 2024

GỎI THAAD SỐ 001 THUỐC THEO TÊN GENERIC

(Kèm theo Quyết định số 463 /QĐ-UBND ngày 16/4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm thuốc	Dạng bào chế	DVT	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Acetyl leucin	500mg	Nhóm 4	Viên	Viên	200.000	397	79.400.000
2	Acetyl leucin	500mg/5ml	Nhóm 4	Thuốc tiêm	Ống	11.000	12.600	138.600.000
3	Meloxicam	15mg/1,5ml	Nhóm 4	Thuốc tiêm	Ống	5.500	1.820	10.010.000
4	Morphin hydroclorid	10mg/ml	Nhóm 4	Thuốc tiêm	Ống	2.000	6.993	13.986.000
5	Trimetazidin	35mg	Nhóm 4	Viên	Viên	350.000	350	122.500.000
6	Amlodipin	5mg	Nhóm 4	Viên	Viên	800.000	104	83.200.000
7	Allopurinol	300mg	Nhóm 4	Viên	Viên	18.000	460	8.280.000
8	Aciclovir	5%, 5g	Nhóm 4	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	800	3.845	3.076.000
9	Glimepiride + Metformin hydrochloride	1mg + 500mg	Nhóm 3	Viên	Viên	380.000	2.600	988.000.000
10	Metformin hydroclorid	1000mg	Nhóm 4	Viên	Viên	260.000	1.600	416.000.000
11	Vitamin C	500mg	Nhóm 4	Viên	Viên	400.000	165	66.000.000
12	N-acetylcystein	200mg	Nhóm 2	Viên	Viên	300.000	750	225.000.000
13	Esomeprazol	20 mg	Nhóm 4	Viên	Viên	260.000	235	61.100.000
14	Piracetam	800mg	Nhóm 4	Viên	Viên	250.000	350	87.500.000
15	Kẽm sulfat	10mg/5ml x 100ml	Nhóm 4	Dung dịch, hỗn dịch, nhũ dịch uống	Chai	2.000	13.650	27.300.000
16	Diosmin + hesperidin	450mg + 50mg	Nhóm 4	Viên	Viên	10.000	800	8.000.000
17	Bisoprolol fumarat	2,5mg	Nhóm 2	Viên	Viên	6.400	320	2.048.000
18	Alfuzosin hydrochloride	10mg	Nhóm 3	Uống	Viên	25.200	6.600	166.320.000

TT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	ĐVT	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
19	Atorvastatin	20mg	Nhóm 4	Uống	Viên	Viên	100.000	160	16.000.000
20	Insulin analog tác dụng chậm, kéo dài (Glargine)	100IU/ml	Nhóm 5	Tiêm	Thuốc tiêm	Bút	1.600	220.000	352.000.000
Tổng cộng: 20 Khoản									2.874.320.000

PHỤ LỤC II: DANH MỤC CHI TIẾT DỰ TOÁN MUA SẴM THUỐC CỦA TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN BÌNH SON NĂM 2024

Gói thầu số 02: Gói thầu thuốc được liệt kê, thuốc có thành phần được liệt kê phối hợp với được chất hóa được, thuốc cổ truyền (không bao gồm vị thuốc cổ truyền)

(Kèm theo Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 16/11/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên hoạt chất	Nhóm thuốc	Đường dùng	Dạng bào chế	DVT	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Bột béo hoa dâu	Nhóm 2	Uống	Dung dịch, hỗn dịch, nhũ dịch uống	Chai	5.400	59.000	318.600.000
2	Kim tiền thảo, Chi thực, Nhân trần, Hậu phác, Hoàng cầm, Bạch mao căn, Bình lang, Mộc hương, Đại hoàng, (Nghệ)	Nhóm 2	Uống	Viên	Viên	600.000	650	390.000.000
3	Ô đầu, Địa liên, Đại hồi, Quế nhục/Quế chi, Thiên niên kiện, (Uy Linh tiên), (Mã tiền), Huyết giác, (Xuyên khung), Methyl salicylat/Cam phora, (Tế tân), (Riêng)	Nhóm 4	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai	12.000	18.000	216.000.000
4	Bột béo hoa dâu	Nhóm 3	Uống	Viên	Viên	59.000	1.900	112.100.000
5	Trình nữ hoàng cung, Tri mẫu, Hoàng bá, ích mẫu, Đào nhân, Trạch tả, Xích thực, Nhục quế.	Nhóm 2	Uống	Viên	Viên	156.000	3.450	538.200.000
Tổng Cộng 05 Khoản								1.574.900.000

PHỤ LỤC III: DANH MỤC CHI TIẾT VÀ DỰ TOÁN MUA SẴM THUỐC CỦA TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN BÌNH SƠN NĂM 2024

GỎI THẦU SỐ 3: VẬT THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN

(Kèm theo Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 16/4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên vị thuốc cổ truyền	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Phương pháp chế biến	Nhóm thuốc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Ba kích	Rễ	<i>Radix Morindae officinalis</i>	Rễ, bỏ lõi, sấy, phơi khô chích rượu	Nhóm 2	Gam	2.000	1.148,70	2.297.400
2	Kê huyết đằng	Thân	<i>Caulis Spatholobi</i>	Thân phơi phơi sấy khô	Nhóm 2	Gam	20.000	165	3.300.000
3	Tang ký sinh	Thân, cành lá và quả	<i>Herba Loranthi gracilifolii</i>	Cả thân, cành lá và quả phơi khô	Nhóm 3	Gam	100.000	170,5	17.050.000
4	Phòng phong	Rễ	<i>Radix Saposhnikoviae divaricatae</i>	Rễ phơi, phơi sấy khô	Nhóm 2	Gam	70.000	1.505,00	105.350.000
5	Quế chi	Cành con	<i>Ramulus Cinnamomi</i>	Cành con, phơi mỏng phơi khô	Nhóm 2	Gam	30.000	66	1.980.000
6	Cam thảo (chích cam thảo)	Rễ	<i>Radix Glycyrrhizae</i>	Rễ, thân phơi khô, phơi chích mật ong	Nhóm 2	Gam	20.000	277,20	5.544.000
7	Khuông hoàng	Thân, rễ	<i>Rhizoma et Radix Curcumae longae</i>	Thân, rễ phơi phơi hoặc sấy khô	Nhóm 2	Gam	40.000	241,5	9.660.000
8	Xuyên khung	Thân, rễ	<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>	Thân, rễ, phơi sấy khô chích rượu	Nhóm 2	Gam	100.000	395	39.500.000
9	Bạch chi	Rễ	<i>Radix Angelicae dahuricae</i>	Rễ phơi phơi, sấy khô	Nhóm 2	Gam	10.000	239,4	2.394.000
10	Bạch linh (Phục linh, Bạch phục linh)	Thẻ quả nấm	<i>Poria</i>	Thẻ quả nấm đã phơi phơi hay sấy khô của nấm phục linh	Nhóm 2	Gam	100.000	283,5	28.350.000

TT	Tên vị thuốc cổ truyền	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Phương pháp chế biến	Nhóm thuốc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
11	Cam thảo (sinh cam thảo)	Rễ	<i>Radix Glycyrrhizae</i>	Rễ phơi khô,片片 mỏng	Nhóm 2	Gam	60.000	418	25.080.000
12	Quế nhục	Vỏ, thân	<i>Cortex Cinnamomi</i>	Vỏ, thân sấy khô	Nhóm 2	Gam	5.000	218	1.090.000
13	Trần bì	Vỏ quả quýt	<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>	Vỏ quả quýt sấy khô sao vàng	Nhóm 3	Gam	30.000	172,20	5.166.000
14	Cúc hoa	Hoa, nụ hoa	<i>Flos Chrysanthemi indic</i>	Hoa, nụ hoa phơi khô	Nhóm 2	Gam	10.000	637,89	6.378.900
15	Độc hoạt	Rễ củ	<i>Radix Angelicae pubescentis</i>	Rễ củ,片片 phơi khô	Nhóm 2	Gam	100.000	301,98	30.198.000
16	Khương hoạt	Thân rễ, rễ	<i>Rhizoma et Radix Notopterygii</i>	Thân rễ, rễ片片 phơi, sấy khô	Nhóm 2	Gam	40.000	1.687,14	67.485.600
17	Cần khung	Thân, rễ	<i>Rhizoma Zingiberis</i>	Thân, rễ phơi sấy khô của cây gừng	Nhóm 2	Gam	12.000	136,5	1.638.000
18	Xích thược	Rễ	<i>Radix Paeoniae</i>	Rễ thái,片片 phơi sấy khô	Nhóm 2	Gam	40.000	258,3	10.332.000
19	Táo nhân	Nhân quả	<i>Semen Ziziphi mauritanae</i>	Nhân quả sao cháy đen	Nhóm 2	Gam	20.000	777,00	15.540.000
20	Viễn chí	Rễ	<i>Radix Polygalae</i>	Rễ trích cam thảo	Nhóm 2	Gam	20.000	1.160,25	23.205.000
21	Hương phụ	Thân rễ	<i>Rhizoma Cyperi</i>	Thân rễ từ chế	Nhóm 2	Gam	4.000	168	672.000
22	Đào nhân	Nhân hạt đào	<i>Semen Pruni</i>	Nhân hạt đào sao vàng bỏ vỏ	Nhóm 3	Gam	10.000	660	6.600.000

TT	Tên vị thuốc cổ truyền	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Phương pháp chế biến	Nhóm thuốc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
23	Hồng hoa	Cánh hoa	<i>Flos Carthami tinctorii</i>	Cánh hoa phơi sấy khô	Nhóm 2	Gam	15.000	914,97	13.724.550
24	Ý dĩ	Nhân hạt	<i>Semen Coicis</i>	Nhân hạt (sao vàng với cám)	Nhóm 2	Gam	8.000	138,60	1.108.800
25	Thương truật	Thân rễ	<i>Rhizoma Atractylodis</i>	Thân rễ, phiến, sao vàng	Nhóm 2	Gam	35.000	716,00	25.060.000
26	Bạch thược	Củ	<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>	Củ, phiến phơi sấy khô, chích rượu	Nhóm 2	Gam	100.000	319,20	31.920.000
27	Thục địa	Sinh địa	<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>	Sinh địa bào chế thành	Nhóm 2	Gam	120.000	480,9	57.708.000
28	Cẩu tích	Thân rễ	<i>Rhizoma Ciboiti</i>	Thân rễ (bỏ lông) phiến, phơi, sấy khô, chích rượu của cây củi	Nhóm 2	Gam	20.000	99,75	1.995.000
29	Đảng sâm	Rễ	<i>Radix Codonopsis</i>	Rễ phiến phơi khô (Phòng đảng sâm)	Nhóm 2	Gam	100.000	842,1	84.210.000
30	Hoàng kỳ (Bạch kỳ) (Chích)	Rễ	<i>Radix Astragali membranacei</i>	Rễ phơi sấy khô, chích mật ong	Nhóm 2	Gam	20.000	395,85	7.917.000
31	Đan sâm	Rễ	<i>Radix Salviae miltiorrhizae</i>	Rễ phơi, sấy khô, phiến, chích rượu	Nhóm 2	Gam	25.000	451,50	11.287.500
32	Ngưu tất	Rễ	<i>Radix Achyranthis bidentatae</i>	Rễ thái, phiến phơi sấy khô, chích rượu	Nhóm 2	Gam	140.000	336	47.040.000
33	Đương quy (Tòan quy)	Rễ, củ	<i>Radix Angelicae sinensis</i>	Rễ, củ phơi phơi sấy khô	Nhóm 2	Gam	120.000	697,2	83.664.000

TT	Tên vị thuốc cổ truyền	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Phương pháp chế biến	Nhóm thuốc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
34	Cốt toái bổ	Thân rễ	<i>Rhizoma Drynariae</i>	Thân rễ, phơi khô, phiến sao vàng	Nhóm 2	Gam	30.000	150	4.500.000
35	Đỗ trọng	Vỏ	<i>Cortex Eucommiae</i>	Vỏ phơi sấy khô, phiến chích muối: Dược liệu là những miếng vỏ phẳng, to nhỏ không đều, dày 0,2 - 0,5 cm, màu xám đen, bề gãy không còn sợi tơ	Nhóm 2	Gam	120.000	210,00	25.200.000
36	Bạch truật	Thân, rễ, củ	<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>	Thân, rễ, củ phiến phơi sấy khô sao cám	Nhóm 2	Gam	25.000	272,000	6.800.000
37	Câu kỷ tử	Quả chín đỏ	<i>Fructus Lycii</i>	Quả chín đỏ phơi sấy khô	Nhóm 2	Gam	25.000	324	8.100.000
38	Tri mẫu	Thân rễ	<i>Rhizoma Anemarrhenae</i>	Thân rễ phơi khô chích muối	Nhóm 2	Gam	3.000	267,75	803.250
39	Lúc (Sài hồ)	Rễ	<i>Radix Bupleuri</i>	Rễ phơi sấy khô	Nhóm 2	Gam	5.000	946	4.730.000
40	Sinh địa	Rễ	<i>Radix Rehmanniae glutinosae</i>	Rễ cây địa hoàng chế	Nhóm 2	Gam	20.000	354	7.080.000
41	Cát cánh	Rễ	<i>Radix Platycodi grandiflori</i>	Rễ phiến phơi khô	Nhóm 2	Gam	5.000	589	2.945.000
42	Mộc hương	Rễ	<i>Radix Saussureae lappae</i>	Rễ phiến, phơi hoặc sấy khô	Nhóm 3	Gam	5.000	288,75	1.443.750
43	Sơn thù	Nhục của quả bỏ hạt	<i>Fructus Corni officinalis</i>	Nhục của quả bỏ hạt sấy khô	Nhóm 2	Gam	20.000	360	7.200.000
44	Long nhãn	Nhục	<i>Arillus Longan</i>	Nhục sấy khô	Nhóm 3	Gam	15.000	367,5	5.512.500

TT	Tên vị thuốc cổ truyền	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Phương pháp chế biến	Nhóm thuốc	ĐVT	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
45	Tục đoạn	Rễ	<i>Radix Dipsaci</i>	Rễ phiến, phơi sấy khô, chích rượu	Nhóm 2	Gam	35.000	331,80	11.613.000
46	Thăng ma	Thân rễ	<i>Rhizoma Cnicifugae</i>	Thân rễ thái phiến, phơi khô, chích rượu	Nhóm 2	Gam	10.000	878	8.780.000
47	Tần giao	Rễ	<i>Radix Gentianae macrophyllae</i>	Rễ phiến phơi, sấy khô	Nhóm 2	Gam	80.000	835	66.800.000
48	Uy linh tiên	Rễ	<i>Radix et Rhizoma Clematidis</i>	Rễ, phơi sấy khô	Nhóm 2	Gam	90.000	780	70.200.000
49	Chi xác	Quả	<i>Fructus Aurantii</i>	Quả gần chín bỏ đôi, thái lát phơi khô	Nhóm 2	Gam	15.000	142	2.130.000
50	Mẫu đơn bì	Vỏ rễ	<i>Cortex Paeoniae suffruticosa</i>	Vỏ rễ (bỏ lõi) sao vàng	Nhóm 2	Gam	20.000	450	9.000.000
51	Thiên ma	Thân củ	<i>Rhizoma Gastrodiae elatae</i>	Thân củ thái, phiến phơi sấy khô	Nhóm 3	Gam	5.000	1.449,00	7.245.000
52	Thỏ phục linh	Thân rễ (củ)	<i>Rhizoma Smilacis glabrae</i>	Thân rễ (củ) phiến phơi sấy khô	Nhóm 2	Gam	40.000	217	8.680.000
53	Đại táo	Quả	<i>Fructus Ziziphi jujubae</i>	Quả phơi sấy khô	Nhóm 2	Gam	100.000	163,8	16.380.000
Tổng cộng: 53 Khoản									
								1.049.588,250	

